

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B4**
Mã MH/MĐ: **MH04226**
Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**
Số TC: **4**

Năm học: **24-25**
Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020746	Nguyễn Quốc	Duy	09/09/2009				5	5.5	7.5	5.5	5.0			5.3		5.5
2	2454801020747	Trần Nguyễn Thanh	Duy	18/10/2009				8	7.5	10.0	8.0	5.0			6.5		7.0
3	2454801020748	Trần Tiến	Đạt	03/03/2009				6	8.5	7.5	8.0	6.5			5.3		6.2
4	2454801020749	Nguyễn Thành	Đức	29/03/2009				8	9.0	8.5	8.0	7.5			6.3		7.1
5	2454801020750	Phùng Thị Ngọc	Giàu	16/12/2009				6	5.0	5.5	8.0	6.5			5.0		5.5
6	2454801020752	Dương Văn	Hậu	10/06/2009				8	10.0	9.5	9.0	8.0			5.8		7.1
7	2454801020753	Nguyễn Văn Phúc	Hậu	25/01/2009				5	9.0	10.0	7.0	5.0			5.3		6.2
8	2454801020754	Trương Bảo	Hoàng	03/09/2008				9	7.5	9.0	7.5	5.0			5.0		6.0
9	2454801020757	Phan Thanh	Khải	25/02/2009				9	9.0	9.0	9.0	7.5			7.0		7.7
10	2454801020758	Đặng Thành	Khang	25/11/2009				8	5.0	7.5	8.0	5.0			0.0	0.0	2.6
11	2454801020759	Đỗ Tuấn	Khang	21/04/2009				9	7.0	9.5	9.0	7.5			6.0		6.9
12	2454801020760	Phan Thanh	Khang	28/09/2005				8	10.0	9.0	10.0	9.0			8.0		8.5
13	2454801020762	Võ Nguyên	Khoa	18/11/2008				5	8.5	9.5	9.0	5.0			0.0	0.0	3.1
14	2454801020763	Mai Trúc	Lam	10/03/2009				5	9.0	9.5	8.0	8.0			5.0		6.3
15	2454801020764	Nguyễn Thành Hiếu	Nghĩa	28/11/2008				10	8.0	7.0	9.5	6.0			7.8		7.8
16	2454801020765	Nguyễn Lê Bảo	Nguyên	09/12/2009				7	8.5	8.0	8.5	7.5			5.8		6.7
17	2454801020767	Lê Thành	Nhuận	24/11/2009				10	5.5	6.5	9.0	8.5			7.0		7.3
18	2454801020768	Nguyễn Bảo Hồng	Phúc	16/10/2009				7	9.0	10.0	10.0	7.5			6.5		7.5
19	2454801020769	Bùi Minh	Quân	18/10/2008				7	7.5	9.0	9.0	7.0			7.5		7.7
20	2454801020770	Trần Đồng Minh	Quân	15/01/2008				9	7.0	9.0	8.0	5.0			0.0	0.0	3.0
21	2454801020771	Phan Văn	Quyển	12/02/2009				10	9.0	6.0	9.0	5.0			0.0	0.0	3.0
22	2454801020772	Ngô Bảo	Sang	02/02/2009				8	10.0	10.0	9.0	6.5			7.5		8.0
23	2454801020773	Nguyễn Văn Bảo	Tài	04/05/2009				8	5.5	6.5	9.0	8.5			6.0		6.6
24	2454801020774	Nguyễn Thành	Tâm	25/06/2009				5	6.0	6.5	7.0	0.0			CT		2.0
25	2454801020775	Trần Minh	Tấn	09/06/2009				10	8.0	10.0	9.0	5.0			5.8		6.8
26	2454801020776	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/07/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0			CT		0.0
27	2454801020777	Lai Thị Anh	Thơ	07/08/2009				5	7.0	5.0	8.0	5.0			5.8		5.9
28	2454801020778	Nguyễn Trung	Tín	14/08/2009				10	7.5	10.0	10.0	6.5			6.3		7.2
29	2454801020780	Lâm Bảo	Toàn	02/10/2009				9	9.5	6.5	10.0	6.5			6.0		6.9
30	2454801020781	Dương Phát	Triển	28/01/2009				9	9.0	6.5	10.0	6.5			5.0		6.2
31	2454801020782	Nguyễn Thị Tường	Vý	30/03/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0			CT		0.0
32	2454801020783	Nguyễn Hoàng Như	Ý	15/12/2009				10	8.0	8.5	9.0	9.0			6.0		7.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Ngọc Thảo